

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 64/2004/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2004

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 105/2004/NĐ-CP ngày 30/3/2004 của Chính phủ về Kiểm toán độc lập

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thi hành Nghị định số 105/2004/NĐ-CP ngày 30/3/2004 của Chính phủ về Kiểm toán độc lập, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 105/2004/NĐ-CP như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Quyền của đơn vị được kiểm toán

1.1. Đơn vị được kiểm toán có quyền chọn doanh nghiệp kiểm toán và chọn kiểm toán viên có đủ điều kiện hành nghề hợp pháp tại Việt Nam được quy định tại Điều 23 của Nghị định số 105/2004/NĐ-CP ngày 30/3/2004 của Chính phủ về Kiểm toán độc lập (sau đây gọi tắt là Nghị định số 105/2004/NĐ-CP) để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Khi ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán, đơn vị được kiểm toán có quyền yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán cung cấp "Danh sách đăng ký hành nghề kiểm toán năm..." của doanh nghiệp có xác nhận của Bộ Tài chính (Phụ lục số 02/KTV).

1.2. Đơn vị được kiểm toán không được chọn các doanh nghiệp kiểm toán đang hoạt động nhưng không có đủ 3 kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán không đủ điều kiện hoạt động kiểm toán, hoặc kiểm toán viên không có tên trong

danh sách đăng ký hành nghề được Bộ Tài chính xác nhận để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán.

1.3. Việc chọn doanh nghiệp kiểm toán nếu thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đấu thầu thì phải thực hiện theo quy chế đấu thầu.

2. Yêu cầu thay đổi kiểm toán viên hành nghề và người chịu trách nhiệm ký báo cáo kiểm toán

2.1. Trường hợp đơn vị được kiểm toán ký hợp đồng kiểm toán với một doanh nghiệp kiểm toán từ 3 năm liên tục trở lên, tính từ ngày Nghị định số 105/2004/NĐ-CP có hiệu lực thì cứ sau 3 năm phải yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán thay đổi:

a) Kiểm toán viên hành nghề chịu trách nhiệm kiểm toán và ký tên trên báo cáo kiểm toán;

b) Người chịu trách nhiệm ký báo cáo kiểm toán là Giám đốc (hoặc người được ủy quyền) của doanh nghiệp (hoặc chi nhánh doanh nghiệp) kiểm toán.

2.2. Trường hợp Ban Giám đốc doanh nghiệp kiểm toán hoặc lãnh đạo chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán chỉ có một người là kiểm toán viên hành nghề thì đơn vị được kiểm toán chỉ được ký hợp đồng kiểm toán với doanh nghiệp kiểm toán hoặc chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán đó nhiều nhất là 3 năm liên tục tính từ ngày Nghị định số 105/2004/NĐ-CP có hiệu lực và từ năm thứ 4 trở đi phải chuyển sang ký hợp đồng kiểm toán với doanh nghiệp kiểm toán khác.

Yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán thay đổi kiểm toán viên hành nghề và người chịu trách nhiệm ký báo cáo kiểm toán phải được ghi rõ trong hợp đồng kiểm toán.

3. Quyền tham gia tổ chức nghề nghiệp

3.1. Kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán được quyền tham gia các tổ chức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán trong nước hoặc tổ chức nghề nghiệp quốc tế được phép hoạt động ở Việt Nam như Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam, Câu lạc bộ Kế toán trưởng toàn quốc, Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh (ACCA)...

3.2. Mỗi kiểm toán viên hành nghề tham gia tổ chức nghề nghiệp là một hội viên cá nhân. Trường hợp công ty kiểm toán tham gia tổ chức nghề nghiệp với tư cách là hội viên tập thể thì phải cử người đại diện công ty tham gia.

3.3. Chi phí tham gia tổ chức nghề nghiệp được hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp kiểm toán và phải có hóa đơn, chứng từ hợp pháp. Kiểm toán viên không đăng ký hành nghề trong doanh nghiệp kiểm toán phải tự chịu chi phí tham gia tổ chức nghề nghiệp.

4. Kiểm toán bắt buộc

4.1. Báo cáo tài chính hàng năm của các doanh nghiệp và tổ chức dưới đây bắt buộc phải được doanh nghiệp kiểm toán kiểm toán:

a) Doanh nghiệp, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, kể cả chi nhánh doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam;

b) Tổ chức có hoạt động tín dụng được thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng; ngân hàng thuộc các thành phần kinh tế và Quỹ hỗ trợ phát triển;

c) Tổ chức tài chính và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;

d) Riêng đối với công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có tham gia niêm yết và kinh doanh trên thị trường chứng khoán thì thực hiện kiểm toán theo quy định của pháp luật về kinh doanh chứng khoán;

đ) Đối với các doanh nghiệp, tổ chức thực hiện vay vốn ngân hàng thì được kiểm toán theo quy định của pháp luật về tín dụng.

4.2. Báo cáo tài chính hàng năm của các doanh nghiệp và tổ chức dưới đây bắt buộc phải được doanh nghiệp kiểm toán kiểm toán theo quy định của Nghị định số 105/2004/NĐ-CP:

a) Doanh nghiệp nhà nước, bao gồm công ty nhà nước, công ty cổ phần nhà nước, công ty TNHH nhà nước và doanh nghiệp khác có vốn nhà nước trên 50%;

b) Báo cáo quyết toán các dự án đầu tư hoàn thành từ nhóm A trở lên.

4.3. Các đối tượng khác mà Luật, Pháp lệnh, Nghị định và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định.

4.4. Doanh nghiệp nhà nước, Quỹ hỗ trợ phát triển và dự án đầu tư từ nhóm A trở lên đã có trong thông báo kế hoạch kiểm toán năm của cơ quan Kiểm toán nhà nước

thì báo cáo tài chính năm đó không bắt buộc phải được doanh nghiệp kiểm toán kiểm toán.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

A. KIỂM TOÁN VIÊN

1. Tiêu chuẩn kiểm toán viên

1.1. Người Việt Nam và người nước ngoài được phép cư trú tại Việt Nam có đủ các tiêu chuẩn sau đây thì được công nhận là kiểm toán viên:

a) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật; không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 15 của Nghị định số 105/2004/NĐ-CP;

b) Có bằng cử nhân chuyên ngành Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng hoặc chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán của Việt Nam hoặc nước ngoài được Bộ Tài chính thừa nhận và thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán từ 5 năm trở lên hoặc thời gian thực tế làm trợ lý kiểm toán ở doanh nghiệp kiểm toán từ 4 năm trở lên.

Trường hợp có bằng cử nhân các chuyên ngành khác với chuyên ngành Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng hoặc chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán thì phải có bằng cử nhân thứ hai về các chuyên ngành trên sau 3 năm hoặc sau 2 năm đối với trợ lý kiểm toán viên và tổng thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán phải đủ 5 năm hoặc làm trợ lý kiểm toán ở các doanh nghiệp kiểm toán đủ 4 năm trở lên.

c) Có khả năng sử dụng một trong năm thứ tiếng thông dụng: Anh, Nga, Pháp, Trung và Đức và sử dụng thành thạo máy vi tính;

d) Đạt kỳ thi tuyển kiểm toán viên do Bộ Tài chính tổ chức và được Bộ trưởng Bộ Tài chính cấp Chứng chỉ kiểm toán viên.

1.2. Người Việt Nam và người nước ngoài được phép cư trú tại Việt Nam có chứng chỉ chuyên gia kế toán, chứng chỉ kế toán, kiểm toán do tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về kế toán, kiểm toán cấp, được Bộ Tài chính thừa nhận thì phải đạt kỳ thi sát hạch về pháp luật kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán Việt Nam do Bộ Tài chính tổ chức thì được Bộ trưởng Bộ Tài chính cấp Chứng chỉ kiểm toán viên.

2. Điều kiện hành nghề của kiểm toán viên

2.1. Điều kiện hành nghề kiểm toán:

- a) Kiểm toán viên chỉ được đăng ký hành nghề kiểm toán khi có đủ điều kiện của kiểm toán viên hành nghề quy định tại Điều 14 của Nghị định số 105/2004/NĐ-CP;
- b) Trường hợp kiểm toán viên vừa làm việc ở một doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp kiểm toán, vừa làm việc ở doanh nghiệp kiểm toán trong cùng một thời gian thì chỉ được đăng ký hành nghề kiểm toán khi có sự đồng ý bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp kiểm toán.
- c) Trường hợp kiểm toán viên đã đăng ký hành nghề ở một doanh nghiệp kiểm toán chuyển sang đăng ký hành nghề ở doanh nghiệp kiểm toán khác thì phải có quyết định chấm dứt hợp đồng lao động ở doanh nghiệp kiểm toán trước.

2.2. Kiểm toán viên không có tên trong danh sách đăng ký hành nghề kiểm toán được Bộ Tài chính xác nhận thì không được ký báo cáo kiểm toán.

2.3. Kiểm toán viên hành nghề sẽ bị xóa tên trong danh sách đăng ký hành nghề kiểm toán trong các trường hợp sau:

- a) Vi phạm một trong những hành vi bị nghiêm cấm đối với kiểm toán viên hành nghề quy định tại Điều 19 của Nghị định số 105/2004/NĐ-CP;
- b) Thực tế không hành nghề kiểm toán nhưng vẫn cố tình đăng ký hành nghề kiểm toán;
- c) Vi phạm pháp luật hoặc vi phạm kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp mà pháp luật về kiểm toán nghiêm cấm.

2.4. Kiểm toán viên đã bị xóa tên trong danh sách đăng ký hành nghề kiểm toán thì không được đăng ký hành nghề lại trong thời gian 3 năm kể từ ngày bị xóa tên.

2.5. Doanh nghiệp kiểm toán sử dụng kiểm toán viên không có tên trong danh sách đăng ký hành nghề kiểm toán để ký báo cáo kiểm toán thì cả doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên đó sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

2.6. Bộ Tài chính không tiếp tục xác nhận danh sách đăng ký hành nghề cho những kiểm toán viên đã đăng ký hành nghề kiểm toán nhưng trên thực tế không hành nghề kiểm toán.

3. Cập nhật kiến thức hàng năm của kiểm toán viên